

BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT CÁC LOẠI SẮC PHONG Ở THỪA THIÊN HUẾ

Lê Thị Toán *

Triều Nguyễn là triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam đã cáo chung năm 1945 - cách đây chỉ mới 64 năm, nên các văn bản hành chính trong gần một thế kỷ rưỡi tồn tại của vương triều này còn lại khá nhiều. Đặc biệt các sắc phong là một trong các loại văn bản hành chính quan trọng, hiện còn được lưu giữ rất nhiều trong dân gian.

I. Sơ lược về các loại sắc phong dưới triều Nguyễn

Đối với triều Nguyễn việc ban cấp sắc phong được quy định rất rõ trong *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (Hội điển)*: “*Phàm quan viên lớn nhỏ ban văn ban võ ở trong kinh và ngoài trấn, được thăng thụ, được bổ thụ, gia hàm, đổi bổ, kiêm lĩnh, sung biện, giáng điệu, giáng bổ, giáng lưu, cách lưu, khởi phục và tất cả những người được sai phái, phải chiếu theo chức hàm lớn nhỏ, sự thể khinh trọng mà cấp cáo sắc, chiếu văn, sắc thụ*”.⁽¹⁾

Ngoài ra còn có sắc thần được vua phong thưởng cho các nhân thần, thiên thần, các vị thành hoàng làng. Dưới triều Nguyễn có các loại sắc phong như sau:

1. Sắc văn

Thời Gia Long nguyên là chữ *chiếu* 詔, đến năm Minh Mạng thứ 19 (1838) đổi làm chữ *sắc* 敕. Đối tượng cấp sắc văn là các quan văn võ lớn nhỏ được bổ dụng hay cách chức đều chiếu theo chức hàm mà điền vào chiếu văn.

Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), sắc văn được quy định rõ những cáo sắc vua ban viết theo các loại: thể văn cáo sắc, thể văn sắc thụ, thể văn ban cáo sắc ăm thụ, thể văn ban cấp, thể văn cáo sắc ban cho thái giám.

Thể văn cáo sắc được soạn ra để ban cấp cho các phẩm quan: Thể văn ban cho quan văn chánh tòng nhất phẩm (mở đầu 6 câu, đoạn giữa 14 câu, đoạn kết 4 câu) có khác với thể văn cáo sắc ban cho quan võ chánh tòng nhất phẩm (mở đầu 6 câu, đoạn giữa 14 câu, đoạn kết 6 câu)... Tùy theo các chức quan mà quy định ba đoạn của cáo sắc với số câu phù hợp.

Hội điển cũng cho biết, năm Minh Mạng thứ 10 (1829) chuẩn soạn thể văn cáo sắc, cáo mệnh ban từ nhất phẩm đến ngũ phẩm, mở đầu có 8 chữ “*thừa thiên hưng vận hoàng đế chế viết*”, sắc mệnh ban từ lục phẩm đến cửu phẩm trước mở đầu chỉ có hai chữ “*sắc viết*” nay đổi dùng chữ “*thừa thiên hưng vận hoàng đế sắc viết*” cho phù hợp với điển lệ mà tỏ ra nhất luật.⁽²⁾

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

Trên thực tế khảo sát các loại sắc phong ở Thừa Thiên Huế, chúng tôi cũng nhận thấy ở nhiều sắc phong thăng, bổ cho các quan hay ban tặng cho cha mẹ, ông bà của các quan đã có công sinh thành con hiền, cháu giỏi để giúp nước, giúp dân đều được viết ở 3 dòng đầu tiên là 8 chữ như trong *Hội điển* đã quy định.

2. Sắc thư

Hội điển cho biết, sắc thư được cấp cho tôn khanh, chức quan ở Thân đài (Phủ Tôn nhơn) trở lên, và thống quản, quản lĩnh, thị vệ đại thần, sung chức dạy hoàng tử, hoàng đệ, Cơ mật viện đại thần, Sử quán tổng tài, quan đại thần thị vệ hộ giá, các quan thượng thư, thống chế, tổng đốc, tuần phủ, đề đốc mới được thăng bổ hay điều động, các chánh phó khảo trường thi, khâm sai kinh lược.⁽³⁾ Năm Minh Mạng thứ 16 (1835) còn chuẩn ban sắc thư cho các bố chánh, án sát, lãnh binh đối với các tỉnh không có tổng đốc, tuần phủ.

3. Sắc thần

Sắc thần là văn bản của vua Nguyễn phong thưởng cho các nhân thần⁽⁴⁾ hiện có họ tên, công trạng, thiên thần⁽⁵⁾ có sự tích rõ rệt và danh thần ở các núi sông (thổ thần, sơn thần, thủy thần), còn các dân từ⁽⁶⁾ thờ âm thần đều phải trừ bỏ.

Đối với các vua nhà Nguyễn việc ban sắc phong thần là để tỏ rõ quyền uy tuyệt đối của vua đối với mọi nơi, mọi cõi trên đất nước mà nhà vua trị vì. Đồng thời cũng thể hiện vua phải cầu viện đến thần linh để che chở cho con dân của mình với mong muốn thu tóm mọi sức mạnh để bình ổn xã hội, duy trì địa vị thống trị của mình. Vì thế, việc ban sắc thần được nhà Nguyễn coi trọng, từ năm 1809 vua Gia Long ban sắc thần cho các làng, xã để thờ làm thành hoàng, năm 1814 lại cho xem xét các sắc thần để phong tiếp. Từ đó về sau triều đình thường xuyên xét duyệt các đơn xin phong sắc thần của các làng xã, đồng thời cũng xét duyệt việc sắp xếp thứ hạng cho các thành hoàng làng theo cấp độ công lao làm 3 phẩm trật. Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) xuống chỉ dụ: “*Phàm thần hiệu ở trên thì tặng 3 chữ mỹ tự là thượng đẳng thần, ở hạng giữa thì tặng 2 chữ mỹ tự là trung đẳng thần, ở hạng dưới thì tặng 1 chữ mỹ tự là chi thần*”.⁽⁷⁾

Sắc thần thường được viết theo thể văn tặng sắc của các thần kỳ đã quy định sẵn về nội dung cơ bản như: giúp nước giúp dân, linh ứng rõ rệt đã lâu, từ trước đã dựng đền thờ riêng, nay được ban cấp tặng sắc chuẩn cho phụng tự... Tùy theo nơi phụng tự và phong cấp mỹ tự mà thay đổi, thêm bớt chữ. Việc ban cấp mỹ tự cho các vị thần cũng không thể tùy tiện mà phải căn cứ vào đẳng cấp (thượng, trung, hạ đẳng thần) và loại thần: thiên thần, thổ thần, sơn thần, thủy thần... để ban các mỹ tự tương ứng đã được quy định và ghi trong *Hội điển*. Giấy viết sắc thần cũng được quy định đều dùng giấy hạng ba, vẽ rồng bằng bạc, bắt đầu từ năm Tự Đức thứ 34 (1881).

Việc cất giữ thần sắc phải cẩn thận, nếu trưởng ấp, trưởng xã, lý trưởng giữ thần sắc không cẩn thận để bị mối ăn, bị mất, bị cháy thì (chiếu theo luật bất ưng) tùy theo mức độ nặng nhẹ mà phạt từ 50 roi đến 100 trượng, cách chức, đóng gông đem bêu một tháng ở trước cửa nha môn. Chính

vì xử phạt nghiêm với người giữ các đạo thần sắc nên nhiều đạo thần sắc được ban cho các địa phương vẫn còn nguyên vẹn cho đến ngày nay.

II. Bước đầu khảo sát sắc phong ở Thừa Thiên Huế

Các loại văn bản sắc phong dưới triều Nguyễn được các đời vua ban cấp rất nhiều, chỉ trong năm Tự Đức thứ 5 (1852) riêng sắc phong thần trong cả nước đã lên đến trên 13.000 sắc, đó là chưa kể đến các loại sắc văn và sắc thư dùng để ban cấp cho quan lại thăng, bổ, đổi chỗ, thăng thưởng... như là một loại văn bản hành chính hàng ngày. Với số lượng văn bản sắc phong khá lớn như vậy, nên trên địa bàn Thừa Thiên Huế - chốn cội kinh của nhà Nguyễn, hẳn nhiên còn tàng trữ trong dân gian nhiều loại sắc phong. Tuy nhiên với thời gian hạn hẹp, nên trong đợt điền dã, khảo sát các loại sắc phong đầu tiên, chúng tôi chỉ mới khảo sát được gần 150 sắc phong được ban cấp dưới thời 11 đời vua Nguyễn (riêng hai vua Dục Đức và Hiệp Hòa chưa tìm thấy các sắc phong, có lẽ do thời gian tại vị của hai vị vua này quá ngắn, Dục Đức, 3 ngày và Hiệp Hòa, 4 tháng) ở trên địa bàn thành phố Huế và các huyện. Trong quá trình tìm hiểu và khảo cứu, bước đầu chúng tôi có một số nhận xét.

1. Về tình trạng văn bản

Tất cả gần 150 văn bản sắc phong chúng tôi đã khảo sát đều là sắc phong của vua ban, trong đó có 30 đạo sắc bị rách nhiều chỗ, không còn giữ được nguyên vẹn nội dung sắc phong và gần 10 đạo sắc có những cái chỉ còn một nửa hoặc 2/3 nội dung đạo sắc, rất khó để có thể phục hồi được nội dung. Nội dung các đạo sắc chủ yếu là sắc phong thần (trong đó có sắc phong thành hoàng làng và sắc phong sơn thần), sắc phong nhân vật (ban tặng mỹ tự cho cha, mẹ, ông bà của các quan lại đã có công giúp nước, giúp dân), sắc phong thăng bổ, thăng thưởng cho các quan lại, sắc phong cung tần. Đặc biệt có 5 sắc dụ và chiếu chỉ của vua, đáng tiếc chỉ có một chiếu chỉ của vua Minh Mạng là còn nguyên vẹn về nội dung.

Kích thước các đạo sắc không giống nhau, chiều dài có nhiều cỡ, từ 0,81m-1,8m, rộng 0,50m-0,52m. Tuy nhiên loại sắc phong có kích thước 1,30m-1,32m, rộng 0,50m là nhiều nhất, chỉ có một cái dài 1,8m.

2. Về chất liệu và hoa văn trang trí sắc phong

Trong các sắc phong mà chúng tôi đã khảo sát có hai loại chất liệu: giấy và vải. Hầu hết các sắc phong đều được viết trên giấy, một số được viết trên vải. Loại giấy viết sắc phong cũng không giống nhau, đặc biệt các đạo sắc đầu thời Gia Long được viết trên loại giấy long đằng rất đẹp mà về sau rất hiếm thấy. Loại giấy này mỏng, mềm và dai, màu thổ hoàng (màu vàng đất). Trang trí giữa lòng đạo sắc là các chấm tròn, mô típ long vân kéo dài từ gần dòng ghi niên đại đến hàng thứ ba, bổ ô ngũ thọ, các chữ thọ nằm trong hình tròn, tất cả đều màu xám, màu này chỉ thấy rất ít trên các đạo sắc về sau ở thời vua Minh Mạng và Thiệu Trị. Các đạo sắc những năm về sau thời Gia Long sử dụng loại giấy long đằng mềm, màu vàng nhạt, nhưng không đẹp bằng loại giấy để viết sắc thời gian đầu. Trang trí cũng có khác chút ít, hình

rồng lớn giữa lòng sắc văn, vẽ rõ ràng, sắc nét, đầu rồng ngay chính giữa dòng niên đại, tua đầu rồng kéo ra gần đến mép ngoài của đạo sắc. Ngoài một ô ngũ thọ còn có trang trí hai ô bát giác với bốn đường dọc trong ô rất đơn giản mà chúng tôi chưa bắt gặp mô típ trang trí này trong các đạo sắc ở các thời vua Nguyễn khác. Tất cả trang trí trong lòng sắc văn đều màu bạc.

Các đạo sắc từ thời vua Tự Đức trở về sau được dùng loại giấy long đằng mềm, mỏng, nhưng vẫn dày hơn loại giấy viết sắc ở các thời trước, màu sắc vàng tươi giống nhau. Phần trang trí cũng giống nhau, đường viền xung quanh nội dung đạo sắc là dây lá nho và hình kỷ hà, thỉnh thoảng lại có sắc phong được viền xung quanh với mô típ lưỡng long triều nhật cách điệu. Ở giữa sắc phong là các chấm tròn và bố ô ngũ thọ hoặc thất thọ, trong lòng sắc văn nổi bật mô típ long vân, tất cả đều màu bạc.

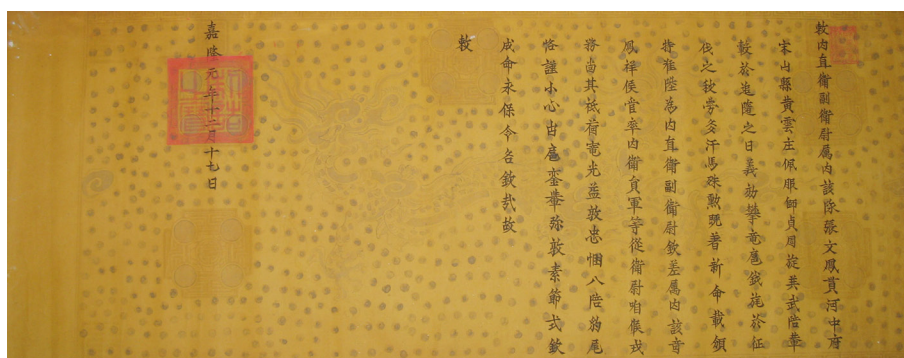
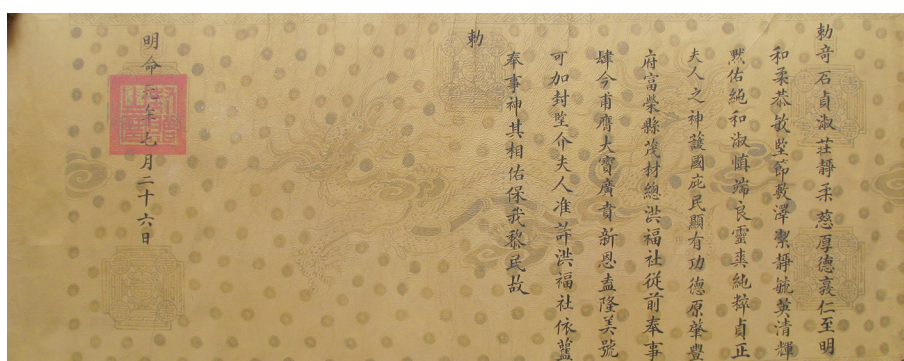
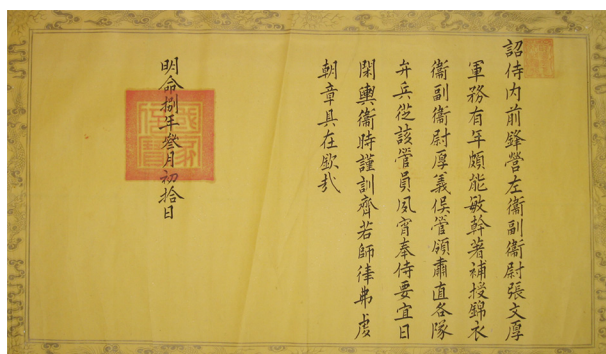
Riêng thời vua Khải Định dùng giấy viết sắc màu vàng thẫm, dày và cứng hơn rất nhiều so với các thời trước. Trang trí sắc phong cũng khác, bốn góc bố bốn ô ngũ thọ lớn, bên trong trang trí hoa văn nổi các chữ thọ với nhau theo kiểu vắn thừng không giống với ô ngũ thọ của các sắc phong trước thời Khải Định. Giữa lòng sắc văn vẽ long ẩn vân với những cụm mây lớn nên hình rồng không nổi bật rõ ràng như ở các sắc phong thời trước đó. Các ô ngũ thọ màu xám còn mô típ long vân màu bạc.

Mặt sau của hầu hết các sắc phong đều trang trí giống nhau, rất đơn giản với các mô típ tứ linh, dây lá nho, chữ thọ hay hòm sách.

Ngoài các sắc phong được viết bằng giấy long đằng còn có sắc phong bằng vải. Loại vải dùng để viết sắc phong là vải lụa màu vàng tươi. Đặc biệt, có một số ít sắc phong vải có đến ba màu tím, vàng nhạt và xanh, toàn bộ nội dung của đạo sắc nằm trong ba ô, đầu tiên là màu vàng nhạt đến ô màu xanh, tiếp đến là ô màu vàng như ô đầu tiên nhưng dài gấp đôi, có đóng dấu triện và cuối cùng là ô màu tím kích thước bằng hai ô đầu không có chữ viết. Loại sắc phong vải có ba màu này không trang trí gì ngoài các màu sắc. Các sắc phong vải lụa màu vàng tươi, trong lòng sắc phong cũng không trang trí nhưng đường viền xung quanh nội dung đạo sắc được thêu mô típ lưỡng long triều nhật. So với các đạo sắc được viết bằng giấy thì các đạo sắc viết trên vải ít hơn nhiều.

3. Về dấu ấn triện và chữ viết trên sắc phong

Hình dấu triện được đóng trên các đạo sắc thời Nguyễn mà chúng tôi đã khảo sát, đều dấu son rất đẹp, chủ yếu là dấu ấn triện *Sắc mệnh chi bảo*, dấu hình vuông, kích thước 13,5cm x 13,5cm (kể cả đường viền ngoài chữ triện). Ngoài ra chúng tôi cũng tìm được hai đạo sắc đóng dấu triện *Chế cáo chi bảo*, kích thước 11,5cm x 11,5cm, một đạo sắc đóng dấu triện *Phong tặng chi bảo*, kích thước 11cm x 11cm và một đạo sắc nhỏ hơn, dài 81cm x 48,5cm đóng dấu triện *Quốc gia tín bảo*, kích thước 11,5 x 11,5cm. Bốn chữ triện trong các dấu trên được xếp thành hai hàng, nét khắc sắc sảo, đọc được rất rõ ràng. Chữ viết trên các đạo sắc là chữ Hán theo lối chân phương, rõ ràng, sắc nét và dễ đọc.

Sắc phong Gia Long nguyên niên - 1802, đóng dấu *Chế cáo chi bảo*Sắc phong Gia Long năm thứ 3 - 1804, đóng dấu *Chế cáo chi bảo*Sắc phong Minh Mạng nguyên niên - 1802, đóng dấu *Phong tặng chi bảo*Sắc phong Minh
Mạng bát niên-1827,
đóng dấu *Quốc gia
tín bảo*

4. Một vài nhận xét

- Trong số gần 150 đạo sắc mà chúng tôi khảo sát, có hơn 2/3 các đạo sắc còn khá nguyên vẹn, nội dung đọc được dễ dàng, còn có 40 đạo sắc bị rách, hư hỏng nhiều rất khó khôi phục nội dung văn bản.

- Dấu ấn triện đóng trên các đạo sắc chủ yếu là dấu *Sắc mệnh chi bảo*, chỉ có hai đạo sắc đóng dấu *Chế cáo chi bảo*, một đạo sắc đóng dấu *Phong tặng chi bảo* và một đạo sắc đóng dấu *Quốc gia tín bảo*. Tất cả các dấu ấn triện không phải là *Sắc mệnh chi bảo* đều có kích thước nhỏ hơn.

- Hai đạo sắc đóng dấu ấn triện *Chế cáo chi bảo* đều vào đầu thời Gia Long (Gia Long nguyên niên-1802 và Gia Long năm thứ 3-1804) có nội dung thăng chức, sắc cho Trương Văn Phụng, Phó vệ úy của vệ Nội trực thuộc Nội cai đội, quê ở Hoàng Vân trang, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung chuẩn cho làm Phó vệ úy vệ Nội trực, Nội cai cơ thuộc Khâm sai. Đến năm Gia Long thứ 3 lại được thăng từ Phó vệ úy vệ Nội trực lên Vệ úy vệ Nội trực vệ Cai cơ thuộc Khâm sai. Chức năng của ấn triện *Chế cáo chi bảo* được dùng đóng trên chiếu thăng cấp bậc đúng như Nguyễn Công Việt đã liệt kê.

- Hai chữ *cố sắc* 故 敕 cuối cùng trong nội dung cả hai đạo sắc thời Gia Long đóng dấu ấn triện *Chế cáo chi bảo*, theo chúng tôi không chỉ là để khẳng định các bản sắc đó phong cho quan tướng cao cấp như nhà nghiên cứu về ấn chương Nguyễn Công Việt đã chỉ ra trong cuốn *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*, mà còn là cách hành văn của thời Gia Long và đầu thời Minh Mạng mà các sắc phong sau này ít gặp.

Chúng tôi mạo muội đưa ra nhận xét này vì thực tế khảo sát cho thấy, hai đạo sắc đã đề cập ở trên đúng là thăng chức cho quan tướng cao cấp. Tuy nhiên ở đạo sắc phong thần đóng dấu ấn triện *Phong tặng chi bảo* vào năm Minh Mạng nguyên niên mà chúng tôi đã khảo sát cũng có hai chữ *cố sắc* ở cuối văn bản. Nội dung đạo sắc này là ban tặng thêm mỹ tự cho Kỳ Thạch phu nhân- một hình thức tín ngưỡng thờ mẫu của người Chăm đã được người Việt tiếp nhận thờ phụng. Như vậy hai chữ *cố sắc* có thể đã được quy định viết cuối nội dung các đạo sắc vua ban được đóng dấu *Chế cáo chi bảo*, *Phong tặng chi bảo*, còn hai chữ *Khâm tai* = 欽 哉 được viết cuối nội dung các đạo sắc đóng dấu *Sắc mệnh chi bảo* và *Quốc gia tín bảo*.

- Dấu ấn triện *Quốc gia tín bảo* đóng trên đạo sắc ngày 10 tháng 3 năm Minh Mạng thứ 8 (1827) chiếu cho Trương Văn Hậu là Phó vệ úy thuộc Tả vệ Thị nội dinh Tiền phong, lệnh bổ làm Phó vệ úy Hậu Nghĩa hầu thuộc Cẩm y vệ. Như vậy, trên thực tế đã khẳng định thêm cho ý kiến của Nguyễn Công Việt là dấu ấn triện *Quốc gia tín bảo* không chỉ dùng đóng trên văn kiện triệu tập tướng lĩnh, trưng binh mà còn được đóng trên chiếu thăng chức cho quan lại. Đồng thời cũng cho thấy dấu *Quốc gia tín bảo* không phải chỉ được dùng trong giai đoạn các quy chế chưa ổn định ở thời Gia Long như ý kiến của Nguyễn Công Việt mà nó còn được dùng cho đến giai đoạn sau này (1827).

- Cách viết sắc dưới triều Nguyễn được quy định rất rõ trong *Hội điển*, trang giấy viết sắc được chia ra làm hai, nửa trang giấy trên viết nội dung, nửa trang giấy dưới viết niên hiệu, tùy theo nội dung dài ngắn mà định liệu chia số hàng cho vừa.

- Tại các đạo sắc được ban dưới thời Gia Long và các năm đầu thời Minh Mạng, các chữ số ghi ngày, tháng, năm chỗ dòng niên đại đều dùng chữ đơn. Bắt đầu từ năm Minh Mạng thứ 3 (1822) mới quy định các chữ số đều phải dùng chữ kép.

- Giấy viết sắc phong dưới thời Nguyễn mà chúng tôi đã khảo sát có đến ba loại, thời Gia Long dùng giấy long đằng mềm, dai và rất đẹp, hoa văn trang trí màu xám và màu bạc. Nhưng từ năm Minh Mạng thứ 10 (1829) trở về sau được quy định dùng giấy màu vàng tươi, mềm nhưng vẫn cứng hơn loại giấy dưới thời Gia Long, trang trí long vân đều màu bạc. Riêng các đạo sắc thời Khải Định không hiểu vì lý do gì mà dùng loại giấy rất cứng, các hoa văn trang trí cũng khác, không đẹp bằng các đạo sắc ở các thời vua trước.

- Cách đóng dấu ấn triện trên các đạo sắc thời Nguyễn do vua ban, đều bắt đầu sau niên hiệu của vua.

- Nội dung phần lớn các sắc thần đều có một số từ và cụm từ lặp đi lặp lại giống nhau, thống nhất về hành văn và câu chữ. Bởi như chúng tôi đã đề cập ở trên, do sắc thần được viết theo thể văn tặng sắc đã quy định sẵn về nội dung cơ bản, chỉ thay đổi địa danh nơi được thờ và phong cấp thêm cấp bậc hay mỹ tự, từ đó mà thay đổi hay thêm bớt chữ... Chỉ cần tra cứu trong *Hội điển* là chúng ta có thể hiểu được lý do của sự giống nhau ở các sắc thần.

- Địa danh nhận sắc được ghi đầy đủ, rõ ràng ở đầu sắc chứ không phải ghi ở phía sau đạo sắc như các sắc phong ở thời Lê và thời Quang Trung.

- Thực tế cho thấy, hầu hết các sắc thần, dù là nhân thần, thiên thần, hay sơn thần, thủy thần... đều được đóng dấu ấn triện *Sắc mệnh chi bảo*, không như tác giả Nguyễn Công Việt giới thiệu, ấn triện này chỉ đóng trên cáo sắc cho các quan lại và phong tặng các nhân thần. Đặc biệt có cả dấu *Phong tặng chi bảo* đóng trên nhiều sắc thần đầu triều Minh Mạng, vì dấu *Sắc mệnh chi bảo* đến năm Minh Mạng thứ 8 (1827) mới được đúc.

- Trong số sắc phong chúng tôi đã khảo sát, đặc biệt có 5 chỉ dụ của vua (1 cái của Minh Mạng, 2 cái của Thiệu Trị, 1 cái của Tự Đức, 1 cái bị rách dòng ghi niên đại). Nội dung chỉ một cái có thủ bút của vua Minh Mạng là còn nguyên vẹn. Riêng 5 chỉ dụ này hoa văn trang trí xung quanh lưỡng long triều nhật màu xám, chữ viết màu đỏ khác với các đạo sắc khác.

- Sắc phong là một loại hình văn bản rất quan trọng được ban hành như là một loại văn bản hành chính hàng ngày dưới thời các vua Nguyễn. Vì thế nội dung của các sắc phong phản ánh rất nhiều vấn đề từ các chiếu chỉ điều động binh lính ra trận đến việc bổ nhiệm, cách chức quan lại hay

điều động thay đổi nhiệm sở, phong tặng hay thăng thưởng cho quan lại, binh lính có công, sắc phong thần cho các làng xã...

Vì thế loại văn bản này có giá trị nghiên cứu rất lớn về các nhân vật lịch sử, quan lại dưới triều Nguyễn. Sắc phong thần ở các làng xã giúp cho việc nghiên cứu về lịch sử địa phương rất thuận lợi.

Sắc phong dưới triều Nguyễn trên địa bàn Thừa Thiên Huế chắc chắn còn rất nhiều, chúng tôi chỉ mới khảo sát được một phần với những nhận xét ban đầu ngõ hầu góp chút công sức nghiên cứu về loại hình văn bản rất quan trọng này trong việc nghiên cứu về triều Nguyễn.

L T T

CHÚ THÍCH

- (1) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 3, Huế, Nxb Thuận Hóa, 1993, tr.11.
- (2) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tr.64.
- (3) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, Tập 3, tr.28.
- (4) Những vị thần là người được phong phúc thần.
- (5) Những vị thần chỉ nghe nói có sự thiêng liêng, nhưng không sinh ra ở đời.
- (6) Những nơi thờ nhằm nhĩ.
- (7) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tập 8, tr. 175.

TÓM TẮT

Bài viết giới thiệu sơ lược về các loại sắc phong được vua ban dưới triều Nguyễn, đồng thời cung cấp những nhận xét ban đầu qua việc khảo sát các sắc phong hiện còn lưu giữ được tại các làng xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong 150 đạo sắc được khảo sát, chủ yếu là sắc thần, một số sắc phong thăng chức, thăng thưởng cho cha mẹ các quan lại có công lao, sắc phong cung tần, đặc biệt có 5 chỉ dụ của các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Dựa trên kết quả khảo sát thực tế, tác giả đưa ra một vài nhận xét nhằm góp phần nghiên cứu về loại hình văn bản rất quan trọng dưới triều Nguyễn.

ABSTRACT

A PRELIMINARY STUDY OF ROYAL-RECOGNITION CERTIFICATES

This writing gives a sketchy introduction on the various kinds of royal-recognition certificates issued by the Nguyễn Dynasty and at the same time puts forward the authors preliminary remarks on the basis of his survey on the royal-recognition certificates still exist in Thừa Thiên Huế province. Of the 150 certificates researched, a large part delivers royal-recognition for deities, some for position promotion, for rewards to the parents of those mandarins who render a good service to the court, for the king's wives and concubines and especially there are among these five royal decrees from king Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Basing on the results of his practical study, the author presents some of his remarks so as to contribute to the research on this important type of texts related to the Nguyễn Dynasty.